

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG
(Từ ngày 01 tháng 5 đến ngày 08 tháng 5 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Tình hình thời tiết trên địa bàn huyện có thay đổi nhẹ, ngày nắng nóng, chiều tối trời nhiều mây có mưa dông rải rác, thuận lợi cho một số sinh vật hại cây trồng phát sinh phát triển.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà lúa	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Vụ Hè Thu năm 2024	Chính vụ	Mạ	835	0
		Đẻ nhánh	1.295	
		Làm đòng - đòng	30	
		Đòng già – trổ bông	25	
Tổng			2.185	0

Ghi chú: Diện tích gieo cấy là diện tích thực tế còn lại trên đồng ruộng, diện tích thu hoạch là diện tích đã thu hoạch được cộng dồn từ khi gieo cấy của vụ.

b) Cây trồng khác

Loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Cây dâu tằm	Các giai đoạn	150,4
Cây điều	Các giai đoạn	5.325
Cây sầu riêng	Các giai đoạn	882,14

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SVGH CHỦ YẾU VÀ THIÊN DỊCH

1. Số liệu điều tra phát dục của SVGH cây lúa

Tên SVGH	Cây trồng và GDST	Mật độ sâu, chỉ số bệnh		Tuổi, pha phát dục sâu/cấp bệnh								Tổng
				1	2	3	4	5	6	N	TT	
		TB	Cao	0	1	3	5	7	9			
Rầy nâu	Cây lúa (Đẻ nhánh)	40	220		2	1	1	1				5
	Cây lúa (Làm đồng - đồng)	22	100				2					2

Ghi chú: Dòng có dãy số trên là tuổi sâu, N: Nhộng, TT: Trưởng thành; dòng dưới là cấp bệnh.

2. Số liệu theo dõi côn trùng vào trạm giám sát côn trùng thông minh

STT	Tên côn trùng	Thời gian							Tổng cộng (con)	TB/đêm (con)
		30/4/2024	1/5/2024	2/5/2024	3/5/2024	4/5/2024	5/5/2024	6/5/2024		
1	Rầy nâu	11	3	3	3	2	1	1	24	3,4
2	Rầy lưng trắng	2	2	-	2	2	-	2	10	1,4
3	Rầy xanh đuôi đen	-	1	-	-	-	-	-	1	0,1
4	Rầy zigzag	12	2	11	20	18	9	2	74	10,6
5	Bướm sâu cuốn lá nhỏ	-	-	3	-	-	-	-	3	0,4
6	Bướm sâu đục thân hai chấm	-	-	-	-	-	1	-	1	0,1
7	Bướm sâu keo mùa thu	-	1	1	-	-	-	1	3	0,4
8	Bọ xít mù xanh	428	315	396	259	231	194	439	2.262	323,1
9	Kiến ba khoang	51	5	6	12	17	14	17	122	17,4
10	Bọ cánh cứng ba khoang	1	-	-	-	-	2	3	6	0,9
11	Bọ cánh cứng Berosus sp.	1	-	5	18	17	12	6	59	8,4
12	Ong	-	-	-	1	1	-	-	2	0,3
13	Chuồn chuồn	-	-	-	-	1	-	-	1	0,1
14	Đế nhũi	-	-	-	10	5	4	6	25	3,6
15	Bọ cánh cứng ăn lá	-	-	4	1	-	-	1	6	0,9
16	Kiến cánh	1	-	-	2	-	4	1	8	1,1
17	Muỗi nước xanh	3	3	3	6	3	7	3	28	4,0
18	Bướm đêm Utetheisa pulchella	-	-	1	-	-	-	1	2	0,3
19	Bọ cánh cứng Agelastica alni	-	-	1	-	-	2	1	4	0,6
20	Ruồi hạc	1	-	-	1	1	1	-	4	0,6
21	Ve sầu	-	-	1	-	-	-	-	1	0,1
22	Bướm đêm Sameodes cancellalis	-	-	-	-	2	-	1	3	0,4
23	Bướm đêm Herpetogramma licarsisalis	1	-	1	-	1	-	-	3	0,4
24	Muỗi nước xám	4	4	5	9	5	1	6	34	4,9
25	Đế mèn	-	-	3	2	3	3	1	12	1,7

III. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố chủ yếu
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa – Giai đoạn mạ					
1	Rầy nâu	10	100		TT, 1	TT CT
II	Cây lúa – Giai đoạn đẻ nhánh					
1	Rầy nâu	120	220		2, 3, 4	QN, TT CT
2	Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn	4	8	10-18	1, 3	QN, GV, TH
III	Cây lúa – Giai đoạn làm đòng - đòng					
1	Rầy nâu	30	100		4	TT PC
2	Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn	4	8	10-12	1, 3	TT PC
IV	Cây lúa – Giai đoạn đòng già –trổ bông					
1	Rầy nâu	45	110		4	TT PC
V	Cây điều – Các giai đoạn					
1	Bọ xít muỗi	2,5	3,2	5,4-8,4	4	TT.PC, GV, TH, QN, NN
2	Bệnh thán thư	3,2	4,2	5,6-38	1, 3, 5	TTPC, GV, TH, QN, NN
VI	Cây dâu tằm – Các giai đoạn					
1	Ve sầu nhảy	8	10		TT	TT. CT, QN
2	Bệnh gỉ sắt	6	8		1, 3	TT. CT, QN
VII	Cây sầu riêng – Các giai đoạn					
1	Bệnh nứt thân, xì mủ (Bệnh chảy gôm)	2,0	4	5-9,5	1, 3	ĐP, NN, QN, GV, TH
2	Bệnh thối rễ	2	2,4	2,6-3,8		NN, QN
3	Bệnh cháy lá chết ngọn	3	4,5	5,6-6	1, 3	ĐP

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố chủ yếu
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cây lúa – Đẻ nhánh							
1	Ngộ độc phèn	9				9	7	QN, GV, TH
II	Cây lúa – Làm đòng-đòng							
1	Ngộ độc phèn	6				6	6	TTPC
III	Cây điều – Các giai đoạn							
1	Bọ xít muỗi	428				428	150	TT.PC, GV, TH, NN, QN
2	Bệnh thán thư	585	5,5	3,5		594	155	TTPC, GV, TH, NN, QN
IV	Cây sầu riêng – Các giai đoạn							
1	Bệnh nứt thân, xì mủ (Bệnh chảy gôm)	51				51	45	ĐP, NN, QN, GV, TH
2	Bệnh thối rễ	2				2	1	NN, QN
3	Bệnh cháy lá chết ngọn	1				1	1	ĐP

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

a) Cây lúa

Cây lúa vụ Hè Thu năm 2024 đã gieo sạ 2.185/3.675 ha, đạt 59,5% kế hoạch, chủ yếu trong giai đoạn đẻ nhánh. Rầy nâu ít biến động, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ rải rác tại thị trấn Cát Tiên và xã Quảng Ngãi với mật độ (10-220con/m²). Bệnh vàng lá do ngộ độc phèn tăng nhẹ, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (4-8%) rải rác ở các xã, thị trấn, ngoài ra hại nhẹ 15 ha với tỷ lệ (10-18%) tại xã Gia Viễn, Tiên Hoàng và thị trấn Phước Cát.

b) Cây dâu tằm

Cây dâu tằm sinh trưởng phát triển tốt. Ve sầu nhảy ít biến động ở mức độ dưới nhẹ với tỷ lệ (8-10%); bệnh gỉ sắt ít biến động ở mức độ dưới nhẹ rải rác với tỷ lệ (6-8%) tại xã Quảng Ngãi và thị trấn Cát Tiên.

c) Trên cây điều

Cây điều sinh trưởng phát triển bình thường, nông dân đang tập trung chăm sóc sau thu hoạch. Bọ xít muỗi và bệnh thán thư giảm nhẹ, chủ yếu ở mức độ dưới nhẹ. Ngoài ra bọ xít muỗi hại nhẹ 428 ha với tỷ lệ (5,4%-8,4%) rải rác tại các xã Tiên Hoàng, Gia Viễn, Quảng Ngãi, Nam Ninh và thị trấn Phước Cát, giảm 34 ha so với kỳ

trước; Bệnh thán thư hại 594 ha, trong đó nhẹ 585 ha với tỷ lệ từ (5,6%-8,8%), hại ở mức độ trung bình cục bộ 5,5 ha với tỷ lệ từ (11%-15%) và hại nặng 3,5 ha với tỷ lệ từ (32%-38%) tại xã các Gia Viễn, Tiên Hoàng, Nam Ninh, Quảng Ngãi và thị trấn Phước Cát, giảm 8,5 ha so với kỳ trước.

d) Cây sầu riêng

Cây sầu riêng chủ yếu trong giai đoạn phát triển trái, sinh trưởng phát triển bình thường, nông dân tập trung chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh. Bệnh nứt thân xì mủ tăng nhẹ, hại nhẹ khoảng 51 ha với tỷ lệ (5%-9,5%) rải rác tại các xã Nam Ninh, Đức Phổ, Quảng Ngãi, Gia Viễn và Tiên Hoàng, tăng 5 ha so với kỳ trước. Bệnh thối rễ ít biến động, hại nhẹ cục bộ khoảng 2 ha với tỷ lệ (2,6%-3,8%) tại xã Nam Ninh và Quảng Ngãi. Bệnh cháy lá chết ngọn ít biến động, hại nhẹ cục bộ 1 ha với tỷ lệ (5,6%-6%) tại xã Đức Phổ.

IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo tình hình thời tiết và SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Dự báo trong 7 ngày tới, tình hình thời tiết thay đổi nhẹ, ngày nắng, chiều tối trời nhiều mây có mưa dông rải rác.

Trên cây lúa: Rầy nâu ít biến động, bệnh vàng lá sinh lý có khả năng ít biến động, bệnh đạo ôn lá xuất hiện.

Trên cây điều: Bệnh thán thư và bọ xít muỗi có khả năng tiếp tục giảm.

Trên cây dâu tằm: Ve sầu nhảy và bệnh gỉ sắt ít biến động, bệnh đốm lá có khả năng xuất hiện.

Trên cây sầu riêng: Bệnh nứt thân xì mủ và bệnh cháy lá chết ngọn có khả năng giảm, bệnh thối rễ ít biến động.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa: Cần đảm bảo nước tưới, bón phân cân đối NPK phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa, chú trọng sử dụng các loại phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh,... giúp tăng khả năng đề kháng của cây lúa đối với sâu bệnh hại.

- Trên cây điều: Vệ sinh vườn đồi sau thu hoạch, tỉa bỏ chồi bị bệnh đem đi tiêu hủy và tập trung phun thuốc phòng trừ không để bệnh lây lan đặc biệt là bọ xít muỗi và bệnh thán thư.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Tungvil 5SC, New kasuran 16.6 WP, Diboxylin 4 SL, Map super 300EC... để phòng trừ bệnh thán thư hại điều.

+ Sử dụng luân phiên các loại thuốc như: Abamine 3.6 EC, Wamtox 100 EC, Alfacua 10 EC, Tungrin 25 EC, Cyperan 10 EC,... để phòng trừ bọ xít muỗi hại điều.

- Trên cây dâu tằm: Cần tăng cường tưới nước, phòng trừ sâu bệnh kịp thời và thu hoạch lá nuôi tằm đảm bảo thời gian cách ly.

- Trên cây sầu riêng: Do thời tiết nắng nóng nên cây sầu riêng rơi vào tình trạng sốc nhiệt gây ảnh hưởng đến khả năng quang hợp và tổng hợp dinh dưỡng gây ra hiện tượng rụng trái non. Vì vậy cần đảm bảo nước tưới vào sáng sớm hay chiều mát, bón phân đầy đủ, cân đối, tăng cường sử dụng các sản phẩm hữu cơ, phân vi sinh, phân chuồng hoai mục, kết hợp vi sinh vật đối kháng như *Trichoderma*, *Streptomyces* để cân bằng vi sinh vật trong đất, nhằm diệt mầm bệnh

và tăng sức đề kháng cho cây, vệ sinh vườn thông thoáng, thu gom và tiêu hủy các bộ phận bị bệnh. Sử dụng phân bón lá canxi bo phòng chống rụng trái non và tăng khả năng chống chịu với tình hình hạn hán.

+ Đối với bệnh nứt thân xì mủ: Sử dụng luân phiên các loại thuốc như Biobus 1.00 WP, Agofast 80 WP, Alimet 80WP, Acrobat MZ 90/600WP, Agri-fos 400 + Metalaxyl 500WP, Agri - fos 400 + Ridomil Gold 68 WP.... phun ướt đều quanh thân, lá, nách cành từ 1-2 lần cách nhau 5-7 ngày và tưới gốc để xử lý nguồn nấm bệnh theo liều lượng khuyến cáo ghi trên bao bì.

Đề nghị UBND các xã, thị trấn phối hợp khuyến cáo trên các kênh thông tin và chỉ đạo nhân dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng. Khuyến nông viên theo dõi và hướng dẫn nông dân phòng trừ kịp thời./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Cát Tiên;
- Chi cục TT- BVTV Lâm Đồng;
- Phòng NN & PTNT huyện;
- Hội Nông dân huyện;
- TTVH-TT và Thể thao huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các Phó Giám đốc, viên chức;
- Lưu: VT, tổ TT-BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bá Bình